

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày / /2026 của Sở Nội vụ)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước quý I năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6,00
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	110.000.000	27.779.000	25,25	0,00
1	Lệ phí	85.000.000	18.800.000	22,12	0,00
	Lệ phí cấp, cấp lại Giấy phép lao động	85.000.000	18.800.000	22,12	0,00
2	Phí	25.000.000	8.979.000	35,92	
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	25.000.000	8.979.000	35,92	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	22.500.000	8.081.100	35,92	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	87.500.000	19.697.900	22,51	0,00
1	Lệ phí	85.000.000	18.800.000	22,12	0,00
	Lệ phí cấp, cấp lại Giấy phép lao động	85.000.000	18.800.000	22,12	0,00
2	Phí	2.500.000	897.900	35,92	
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	2.500.000	897.900	35,92	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	177.329.913.002	42.560.461.446	24,00	0,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	177.329.913.002	42.560.461.446	24,00	
1	Chi quản lý hành chính	69.657.856.937	15.275.168.361	21,93	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	25.986.856.937	4.712.290.731	18,13	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	43.671.000.000	10.562.877.630	24,19	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	5.945.520.680	5.616.000	0,09	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.945.520.680	5.616.000	0,09	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2026	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	90.244.679.118	25.328.839.767	28,07	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	90.244.679.118	25.328.839.767	28,07	
6	Chi hoạt động kinh tế	11.481.856.267	1.950.837.318	16,99	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.481.856.267	1.950.837.318	16,99	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				